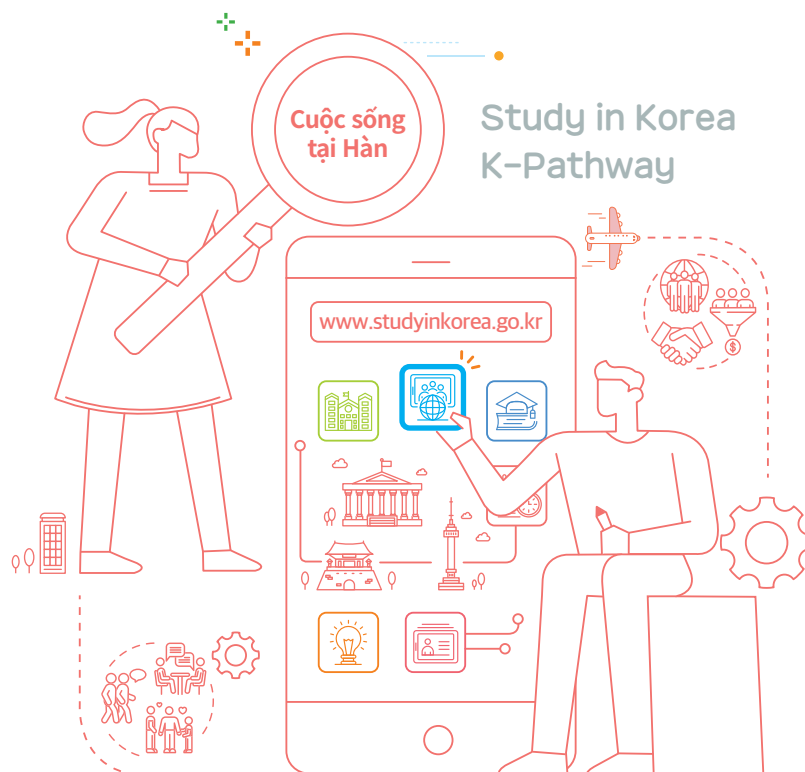




# Bước đầu tiên cho hành trình du học Hàn Quốc



Guide 1

# Du học Hàn Quốc

## #Cuộc sống du học thông minh



I. Hệ thống giáo dục của Hàn Quốc	04
II. Chuẩn bị đi du học	07
III. Giáo dục ngôn ngữ	10
IV. Chi phí du học	14
V. Kiểm soát nhập cư	20

# I. Hệ thống giáo dục của Hàn Quốc

## Hệ thống trường

<b>Giáo dục Mầm non</b>	<b>Độ tuổi</b> 3-5 tuổi
<b>Hệ thống</b>	Trường mẫu giáo
<b>Năm học</b>	
<b>Loại hình</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Trung tâm chăm sóc ban ngày/Cơ sở chăm sóc trẻ em, Trường mẫu giáo</li></ul>

<b>Giáo dục Tiểu học</b>	<b>Độ tuổi</b> 6-11 tuổi
<b>Hệ thống</b>	Trường tiểu học
<b>Năm học</b>	1, 2, 3, 4, 5, 6
<b>Loại hình</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Trường tiểu học, trường công dân (6 năm)</li><li>Các trường khác (4-6 tuổi)</li></ul>

<b>Giáo dục Trung học1</b>	<b>Độ tuổi</b> 12-14 tuổi
<b>Hệ thống</b>	Trung học cơ sở
<b>Năm học</b>	7, 8, 9
<b>Loại hình</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Trung học cơ sở (3 năm)</li><li>Trường trung học cơ sở mở, trường trung học cơ sở trực thuộc công ty công nghiệp, lớp đặc biệt dành cho công ty công nghiệp (3 năm)</li><li>Trường trung học phổ thông công dân, các trường khác (1-3 năm)</li></ul>

<b>Giáo dục Trung học2</b>	<b>Độ tuổi</b> 15-17 tuổi
<b>Hệ thống</b>	Trung học phổ thông
<b>Năm học</b>	10, 11, 12
<b>Loại hình</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Trung học phổ thông (3 năm)</li><li>Trường trung học phổ thông mở, trường trung học phổ thông trực thuộc công ty công nghiệp, lớp đặc biệt dành cho công ty công nghiệp (3 năm)</li><li>Trường trung học phổ thông thương mại, các trường khác (1-3 năm)</li></ul>

<b>Giáo dục đặc biệt</b>	<b>Độ tuổi</b> 3-17 tuổi
<b>Hệ thống</b>	Trường mẫu giáo, Trường tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông
<b>Năm học</b>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12
<b>Loại hình</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Trường học riêng cho học sinh giáo dục đặc biệt (Trường giáo dục đặc biệt)</li></ul>

<b>Giáo dục Đại học1</b>	<b>Độ tuổi</b> 18-23 tuổi
<b>Hệ thống</b>	Đại học
<b>Năm học</b>	13, 14, 15, 16, 17, 18
<b>Loại hình</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đại học (2-6 năm)</li><li>Đại học công nghiệp, đại học sư phạm, đại học mở và cao đẳng kỹ thuật (4 năm)</li><li>Đại học trực tuyến, đại học từ xa, đại học nội bộ công ty, cao đẳng khác (2-4 năm)</li><li>Cao đẳng cơ sở (2-3 năm)</li><li>Cao đẳng chuyên ngành, Cao đẳng bách khoa (2 năm)</li></ul>

<b>Giáo dục Đại học2</b>	<b>Độ tuổi</b> 22-29 tuổi
<b>Hệ thống</b>	Trường cao học
<b>Năm học</b>	19, 20, 21, 22, 23
<b>Loại hình</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Trường cao học (3-5 năm)</li></ul>

※ Nguồn: Giáo dục tại Hàn Quốc năm 2023, Bộ Giáo dục

## 1. Hệ thống giáo dục nói chung

Hệ thống giáo dục Hàn Quốc theo mô hình 6-3-3-4 gồm các cấp mẫu giáo (3 năm), tiểu học (6 năm), trung học cơ sở (3 năm), trung học phổ thông (3 năm) và đại học (4 năm). Giáo dục bắt buộc bao gồm 6 năm tiểu học và 3 năm trung học cơ sở, được cung cấp miễn phí.

Chương trình	Trường học	Độ tuổi học sinh (tính nguyên năm)	Thời gian học tập
Giáo dục trẻ sớm	Trường mẫu giáo	3-5 tuổi	3 năm
Giáo dục tiểu học	Trường tiểu học	6-11 tuổi	6 năm
Giáo dục trung học	Trường trung học cơ sở	12-14 tuổi	3 năm
	Trường trung học phổ thông	15-17 tuổi	3 năm
Giáo dục đại học	Trường đại học	18 tuổi trở lên	4 năm

## 2. Chương trình học thuật

### Trường mẫu giáo

Các trường mẫu giáo được phân loại dựa trên các đơn vị cơ bản là trường mẫu giáo quốc gia (cấp chính phủ quốc gia), trường mẫu giáo công lập (cấp chính quyền địa phương) và trường mẫu giáo tư nhân (cấp doanh nghiệp hoặc cá nhân). Ở trường mẫu giáo, giáo dục được thực hiện thông qua các hoạt động vui chơi phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ nhỏ, không có sách giáo khoa hoặc môn học cụ thể. Thông thường, cả chương trình giảng dạy thông thường (khoảng 4-5 giờ mỗi ngày) và chương trình sau giờ học đều được cung cấp.

### Giáo dục tiểu học đến trung học

Các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông hoạt động theo hệ thống hai học kỳ mỗi năm. Học kỳ đầu tiên bắt đầu từ ngày 1 tháng 3 cho đến ngày do hiệu trưởng nhà trường xác định căn cứ vào số ngày học, ngày nghỉ và chương trình giảng dạy. Học kỳ thứ hai bắt đầu vào ngày sau khi kết thúc học kỳ đầu tiên cho đến cuối tháng 2 năm sau đó. Giữa các học kỳ, có những khoảng thời gian nghỉ ngơi, điển hình là kỳ nghỉ hè diễn ra vào tháng 7 đến tháng 8 và kỳ nghỉ đông vào tháng 12 đến tháng 2.

### Giáo dục đại học

Các cơ sở giáo dục đại học của Hàn Quốc được phân loại rộng rãi thành trường cao đẳng cơ sở (chương trình 2-3 năm), trường đại học (chương trình đại học 4 năm) và trường cao học. Với sự tiến bộ gần đây về công nghệ thông tin và truyền thông, các trường đại học trực tuyến chủ yếu cung cấp các khóa học trực tuyến đã được thành lập và đi vào hoạt động. Ngoài ra, các chương trình sau đại học (chương trình thạc sĩ và tiến sĩ) thường được cung cấp bởi các trường đại học 4 năm. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, cũng có những tổ chức được gọi là “trường đại học chỉ đào tạo sau đại học” chỉ cung cấp các chương trình cấp độ sau đại học mà không cung cấp chương trình đại học.

Phân loại	Trường đại học		Trường cao học	
Chương trình đào tạo	Bằng liên kết	Bằng cử nhân	Bằng thạc sĩ	Bằng tiến sĩ
Thời gian học	2-3 năm	4-6 năm	2 năm trở lên	3 năm trở lên

## (1) Trường đại học

Các chương trình được cung cấp tại các trường đại học Hàn Quốc

<b>Chương trình học kỳ thông thường</b>	Các chương trình cho phép sinh viên quốc tế tham gia các khóa học tổng quát thông thường chung với sinh viên trong nước trong các học kỳ thông thường vào mùa xuân và mùa thu. Có các khóa học tổng quát được thực hiện bằng tiếng Hàn và các khóa học tổng quát được thực hiện bằng tiếng nước ngoài; sinh viên tốt nghiệp có thể lấy được bằng sau khi hoàn thành các khóa học này.
<b>Chương trình trao đổi sinh viên</b>	Hầu hết các trường đại học Hàn Quốc thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên dựa trên thỏa thuận với các trường đại học liên kết ở nước ngoài, tạo điều kiện trao đổi lẫn nhau, cho phép sinh viên có thể học tại các trường đại học liên kết ở nước ngoài trong một khoảng thời gian nhất định. Sinh viên đăng ký chương trình trao đổi cần phải có trình độ học vấn và trình độ ngoại ngữ nhất định.
<b>Chương trình học kỳ hè/đông</b>	Sinh viên quốc tế có thể tham gia các khóa học thông thường hoặc các khóa học khác, bao gồm cả lớp học tiếng Hàn, trong kỳ nghỉ hè hoặc đông.
<b>Các khóa học dạy bằng tiếng Anh</b>	Hiện nay, các trường đại học quan tâm đến việc quốc tế hóa giáo dục cung cấp khoảng 30% tổng số khóa học bằng tiếng Anh. Tỷ lệ các môn học dạy bằng tiếng Anh ở bậc sau đại học cao hơn ở bậc đại học. Một số trường đại học đã thành lập các khoa quốc tế nơi tất cả các khóa học đều được giảng dạy bằng tiếng Anh.
<b>Chương trình đào tạo tiếng Hàn</b>	Nhiều trường đại học đã thành lập các cơ sở đào tạo ngôn ngữ trực thuộc để cung cấp các khóa học tiếng Hàn cho người nước ngoài. Các chương trình ngắn hạn, kéo dài 3-4 tuần, được thực hiện nhằm cải thiện kỹ năng giao tiếp một cách chuyên sâu trong thời gian ngắn. Các chương trình thông thường, kéo dài 10-40 tuần, nhằm mục đích nâng cao kỹ năng giao tiếp thông qua các hoạt động bài tập liên quan đến cuộc sống thực tế. Các chương trình giảng dạy này còn được thực hiện đồng thời với các bài học văn hóa nhằm mở rộng hiểu biết về văn hóa Hàn Quốc và gia tăng hiệu quả học tập.

## (2) Trường cao học

Ở Hàn Quốc, các trường cao học được chia thành các trường cao học tổng hợp học thuật và các trường cao học chuyên ngành định hướng nghề nghiệp.

Thời gian của chương trình thạc sĩ là từ hai năm trở lên. Chương trình này thường yêu cầu đạt được 24 tín chỉ. Các cá nhân muốn lấy bằng thạc sĩ phải đạt được một số tín chỉ nhất định, vượt qua kỳ thi quy định và nộp luận án; luận án sẽ được đánh giá bởi một hội đồng gồm ít nhất ba người chấm.

Thời gian của chương trình tiến sĩ là từ ba năm trở lên. Chương trình này thường yêu cầu đạt được 36 tín chỉ. Các cá nhân muốn lấy bằng tiến sĩ phải đạt được một số tín chỉ nhất định, vượt qua kỳ thi toàn diện và nộp luận án; luận án sẽ được đánh giá bởi một hội đồng gồm ít nhất năm người chấm.

Chương trình sau tiến sĩ liên quan đến việc tiếp tục nghiên cứu sau khi lấy được bằng tiến sĩ. Hiện nay, nhiều trường đại học Hàn Quốc đang triển khai dự án BK21, bằng cách mời các nhà nghiên cứu sau tiến sĩ tham gia các dự án nghiên cứu.

## II. Chuẩn bị đi du học

Khi chọn trường đại học, bạn nên chọn trường đại học phù hợp bằng cách thu thập thông tin qua nhiều kênh khác nhau và đưa ra nhận định toàn diện. (ví dụ: Tìm kiếm tên trường đại học trên các cổng thông tin để tìm các bài viết liên quan, xem qua các tài liệu quảng bá do trường đại học cung cấp và khám phá kinh nghiệm du học được sinh viên quốc tế chia sẻ trên cộng đồng trực tuyến.) Các trường đại học Hàn Quốc cung cấp nhiều chương trình học thuật đa dạng, mỗi chương trình có thời lượng học tập khác nhau. Vì có sự khác biệt trong chương trình học thuật được cung cấp bởi mỗi trường đại học nên sinh viên quốc tế có mong muốn học tập nên kiểm tra trước chương trình của trường đại học muốn đăng ký.

Để đạt được mục tiêu du học trong thời gian mong muốn, sinh viên quốc tế có mong muốn học tập cần thu thập thông tin về tiêu chí đủ điều kiện và thời gian học cần thiết, thủ tục nộp hồ sơ, các tài liệu cần thiết cũng như chi phí tài chính liên quan đến việc du học đối với chương trình học tập của mỗi trường đại học.

### 1. Tiêu chí nộp hồ sơ

Chương trình đào tạo	Tiêu chí
Bằng liên kết, bằng cử nhân	Cá nhân đã hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục tiểu học và trung học ở nước sở tại (chương trình 12 năm).
Bằng thạc sĩ	Người có bằng Cử nhân
Bằng tiến sĩ	Người có bằng Thạc sĩ

- ※ Các điều kiện nộp hồ sơ nêu trên dựa trên tiêu chuẩn chung, vì vậy bạn nên kiểm tra trước hướng dẫn nhập học cụ thể của trường đại học mong muốn.
- ※ Đối với các quốc gia có hệ thống trường học dưới 12 năm, người nộp đơn có thể nhập học sau khi đã hoàn thành toàn bộ chương trình tiểu học và trung học cơ sở ở quốc gia tương ứng và hiệu trưởng trường đại học được họ chọn xác nhận thông tin đủ bằng các giấy tờ chứng minh như chứng chỉ tốt nghiệp.

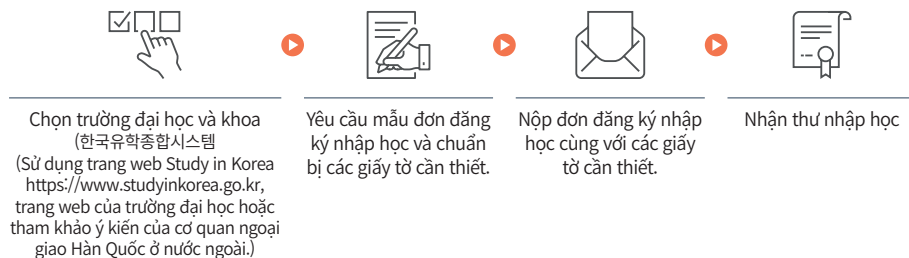
### 2. Thời gian nộp hồ sơ

Các trường đại học Hàn Quốc có hai học kỳ chính là mùa xuân và mùa thu, trong đó học kỳ mùa xuân (tuyển sinh vào tháng 3) thường nhận hồ sơ từ tháng 9 đến tháng 11 năm trước và học kỳ mùa thu (tuyển sinh vào tháng 9) thường nhận hồ sơ từ tháng 4 đến tháng 6 trong cùng năm. Vì các tài liệu nhập học và thời gian nộp đơn có thể khác nhau tùy theo trường đại học, sinh viên quốc tế có mong muốn học tập nên kiểm tra trước thời hạn cụ thể của trường đại học mà họ lựa chọn thông qua trang web chính thức của trường đại học hoặc các nguồn khác.

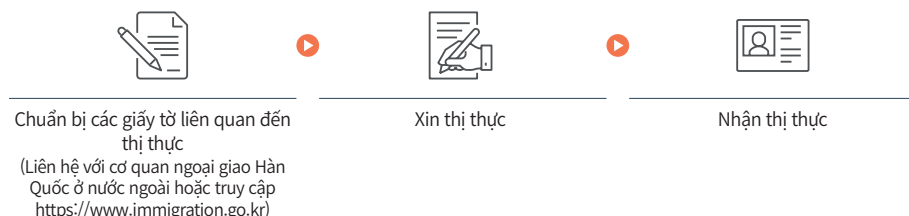
### 3. Thủ tục nộp đơn

#### Quy trình tuyển sinh chung dành cho sinh viên quốc tế

##### \* Giai đoạn trước khi nhập học



##### \* Giai đoạn trước khi nhập cảnh



### 4. Phương pháp tuyển sinh

Gần đây, phương thức nộp đơn trực tuyến qua mạng được sử dụng rộng rãi.

Các hình thức tuyển sinh chương trình đại học được chia thành tuyển sinh năm nhất và tuyển sinh chuyển tiếp. Tuyển sinh năm nhất dành cho học sinh tốt nghiệp trung học trở lên, trong khi tuyển sinh chuyển tiếp dành cho những người đã học tại một trường đại học trong một thời gian nhất định hoặc có bằng cao đẳng cơ sở trở lên. Trong khi hầu hết các trường đại học chủ yếu tuyển chọn sinh viên bằng cách sàng lọc hồ sơ, một số trường đại học lại tiến hành phỏng vấn hoặc kiểm tra. Bạn nên kiểm tra và chuẩn bị trước cho các phương pháp tuyển sinh của trường đại học mong muốn.

##### \* Các giấy tờ cần thiết để nộp hồ sơ

Mẫu đơn xin cấp (công nhận) thị thực, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ sở giáo dục, Thư nhập học tiêu chuẩn, Giấy tờ chứng minh mối quan hệ gia đình, Giấy tờ chứng minh trình độ học vấn cao nhất, Giấy tờ chứng minh tài chính

- ※ Thời gian nộp hồ sơ, các giấy tờ cần nộp và lịch tuyển sinh có thể khác nhau tùy theo từng trường đại học hoặc khoa, vì vậy vui lòng tham khảo hướng dẫn tuyển sinh cụ thể của tổ chức đang nộp hồ sơ để biết thông tin chi tiết.
- ※ Thông tin về trường đại học và chuyên ngành khác có sẵn trên trang web Study in Korea (<https://www.studyinkorea.go.kr>).
- ※ Tùy thuộc vào loại giấy tờ (thường là chứng nhận trình độ học vấn cao nhất), có thể cần phải công chứng bản dịch hoặc xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền (apostille).

##### \* Hệ thống apostille

Đây là hệ thống dùng để công nhận trong nước cho các giấy tờ công ở nước ngoài mà không cần lãnh sự quán xác minh. 124 quốc gia trên toàn thế giới (tính đến ngày 7 tháng 11 năm 2023) là thành viên của công ước apostille (<https://www.apostille.go.kr/gb/app/appAppl.do>).

## Mẹo. các thuật ngữ và nội dung chính về giáo dục đại học Hàn Quốc

Đăng ký khóa học	Đăng ký các khóa học cho học kỳ sắp tới trước khi mỗi học kỳ bắt đầu.
Đánh giá khoa học	Đánh giá và đưa ra phản hồi về bài giảng của giáo sư vào cuối mỗi học kỳ.
(Đơn xin) nghỉ học	Được nhà trường cho phép tạm nghỉ học trong một khoảng thời gian cụ thể. (Đối với sinh viên nước ngoài, phải rời khỏi Hàn Quốc trong vòng 15 ngày kể từ ngày được chấp thuận.)
(Đơn xin) quay lại sau khi nghỉ học	Quay lại trường học sau khi bị đình chỉ hoặc trong thời gian nghỉ học.
Cảnh báo học tập	Cảnh báo được đưa ra vào cuối mỗi học kỳ nếu Điểm trung bình (GPA) thấp hơn ngưỡng nhất định do mỗi trường quy định (ví dụ: 1,5-2,0 trên 4,5, tiêu chí thay đổi tùy theo trường và năm học); nhận được 3 cảnh cáo có thể bị đuổi học (có thể gặp bất lợi trong quá trình gia hạn thị thực).
Thay đổi chuyên ngành	Được nhà trường cho phép thay đổi ngành học chính.
Hai chuyên ngành/chuyên ngành phụ	Việc đăng ký các tín chỉ cho một chuyên ngành (hoặc khoa/chuyên khoa) khác và hoàn thành đồng thời với chuyên ngành đã chọn ban đầu tại thời điểm nhập học, được coi là đáp ứng các yêu cầu hoàn thành của cả chuyên ngành. Điều này thường được chỉ định đồng thời tại thời điểm trao bằng.
Khóa học dạy bằng tiếng Anh	Các khóa học có bài giảng, bài kiểm tra, v.v., được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Anh. ※ Bạn có thể tìm kiếm danh sách các trường đại học cung cấp các khóa học dạy bằng tiếng Anh do ETS cung cấp (www.).
Trực xuất	Mất tư cách sinh viên tại trường đại học do nhiều hoàn cảnh khác nhau.
Tự nguyện bỏ học	Tự nguyện rời khỏi trường đại học dựa trên quyết định của chính sinh viên.





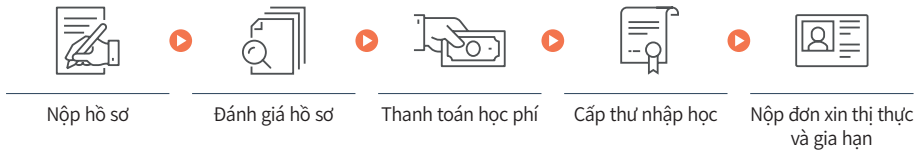
### III. Giáo dục ngôn ngữ

Trong trường hợp cần phải thông thạo tiếng Hàn mới được tham gia chương trình học tập tại Hàn Quốc, các cá nhân có thể học tiếng Hàn thông qua các cơ sở đào tạo tiếng Hàn trực thuộc trường đại học hoặc các khóa học tiếng Hàn miễn phí.

#### 1. Cơ sở đào tạo tiếng Hàn trực thuộc trường đại học

Các cơ sở này được sử dụng rộng rãi bởi các sinh viên muốn vào đại học ở Hàn Quốc, mang tới các cơ hội học tập có hệ thống về các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Hầu hết các chương trình thông thường kéo dài khoảng 10 tuần với trung bình 20 giờ mỗi tuần và học phí khoảng 1,2 đến 1,8 triệu KRW. Các lớp học được thiết kế riêng cho người học trưởng thành và một số khóa học cung cấp trải nghiệm văn hóa (bao gồm các chuyến tham quan địa phương gần đó và các hoạt động văn hóa truyền thống của Hàn Quốc) mỗi tháng một lần.

##### (1) Thủ tục tuyển sinh



##### (2) Ví dụ về các giấy tờ cần nộp

Mẫu đơn xin cấp công nhận thị thực, Hộ chiếu, Thư nhập học tiêu chuẩn, Bảng điểm cuối cùng và giấy chứng nhận tốt nghiệp, Giấy tờ chứng minh tài chính (tương đương 10 triệu KRW), Kế hoạch đào tạo

※ Các giấy tờ đã gửi đi sẽ không được trả lại và các giấy tờ bắt buộc có thể khác nhau tùy theo quốc gia và trường học; bạn nên kiểm tra trước trang web của trường tương ứng để biết các yêu cầu cụ thể.

**(3) Ví dụ về chi tiết của các chương trình học thông thường:**

<b>Giới thiệu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiểu được đặc điểm chính tả, giá trị ngữ âm và cấu trúc âm tiết của bảng chữ Hàn Quốc (Hangeul)</li> <li>Khả năng hiểu và diễn đạt các từ cơ bản và câu đơn giản</li> </ul>
<b>Sơ cấp 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng các từ cơ bản cần thiết cho cuộc sống hàng ngày và các cấu trúc câu cơ bản</li> <li>Học các đoạn hội thoại thực tế cần thiết cho cuộc sống cơ bản hàng ngày như chào hỏi, giới thiệu bản thân, mua sắm và gọi đồ ăn</li> </ul>
<b>Sơ cấp 2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nắm vững và sửa cách phát âm chính xác cũng như xác định thay đổi về âm thanh</li> <li>Tập luyện các cuộc trò chuyện cần thiết trong thực tế cho những hoạt động phức tạp hơn trong cuộc sống hàng ngày, như gọi điện thoại, đặt chỗ, sử dụng bưu điện và ngân hàng</li> </ul>
<b>Trung cấp 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Từ vựng cơ bản cần thiết để thực hiện các công việc hàng ngày, hiểu các hiện tượng xã hội nói chung và sử dụng các phương tiện công cộng</li> <li>Xây dựng khả năng diễn ngôn bằng các trợ từ, hậu tố liên kết, hậu tố đóng, vị ngữ phụ trợ tương đối phức tạp và các tài liệu xã hội quen thuộc, hiểu quảng cáo, phỏng vấn và dự báo thời tiết</li> </ul>
<b>Trung cấp 2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học tục ngữ, từ vựng thời sự cơ bản, từ vựng trừu tượng thường dùng và thuật ngữ hiện hành</li> <li>Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc thông qua việc nắm bắt các vấn đề thời sự cơ bản trên báo chí và truyền hình</li> </ul>
<b>Nâng cao 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiên cứu các thành ngữ, từ mượn, từ vựng trừu tượng liên quan đến các hiện tượng xã hội</li> <li>Nghiên cứu các tài liệu thời sự đa dạng về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, bao gồm cả các tác phẩm văn học tương đối dễ</li> </ul>
<b>Nâng cao 2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học sâu về tiếng lóng, biệt ngữ, từ viết tắt và thuật ngữ liên quan đến lĩnh vực chuyên môn</li> <li>Tìm hiểu nội dung trừu tượng không chỉ về chính trị, kinh tế, xã hội mà còn về triết học và tư tưởng</li> </ul>
<b>Chuyên sâu</b>	Phát triển khả năng tham gia cả các khóa học nghệ thuật tự do và các khóa học chuyên ngành nhằm đạt được trình độ tiếng Hàn tương đương với người bản xứ trong quá trình chuẩn bị để vào đại học, cao học hoặc tìm việc làm

※ Đối với người nước ngoài vào Hàn Quốc để tham gia khóa học tiếng Hàn tại cơ sở đào tạo tiếng Hàn trực thuộc trường đại học, họ cần phải có thị thực bắt buộc (thường là D-4) từ đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Hàn Quốc. Việc cấp thị thực cần có thư nhập học của cơ sở đào tạo ngôn ngữ và các giấy tờ như thư bảo đảm danh tính hoặc bằng chứng tài chính. Các tiêu chí có thể khác nhau tùy vào quốc tịch nên bạn nên tham khảo kỹ lưỡng với đại sứ quán Hàn Quốc tại nước sở tại trước khi đăng ký với trường ngôn ngữ.

## 2. Các khóa học tiếng Hàn

### (1) Học trực tuyến miễn phí

Một số tổ chức cung cấp giáo dục tiếng Hàn trực tuyến miễn phí bên cạnh các lớp học trực tiếp miễn phí.

\* Trường Nuri-Sejong: <http://www.sejonghakdang.org>

\* Quick Korean của The Cyber University of Korea (Đại học Trực tuyến Hàn Quốc): <http://korean.cuk.edu>

\* EBS Durian: <http://www.ebs.co.kr/durian/kr/course>

### (2) Các chương trình của chính quyền địa phương và tổ chức tư nhân

Các tổ chức hỗ trợ nước ngoài của chính quyền địa phương như Seoul Global Center (Trung tâm Toàn cầu Seoul) và các tổ chức tư nhân dành cho người lao động nước ngoài đều có các lớp học tiếng Hàn.

Tổ chức	Số điện thoại	Trang web
Seoul Global Center (Trung tâm Toàn cầu Seoul)	02-2075-4180	<a href="http://global.seoul.go.kr">http://global.seoul.go.kr</a>
Suwon Center for International Cooperation (Trung tâm Hợp tác Quốc tế Suwon)	031-248-9394	<a href="https://www.swcic.or.kr/">https://www.swcic.or.kr/</a>
Ansan Foreign Residents Support Headquarters (Trụ sở Hỗ trợ Người nước ngoài Ansan)	1666-1234	<a href="https://global.ansan.go.kr">https://global.ansan.go.kr</a>
Daejeon Support Center for Foreign Residents (Trung tâm Hỗ trợ Người nước ngoài Daejeon)	042-223-0789	<a href="https://www.dic.or.kr">https://www.dic.or.kr</a>
Jeonbuk International Cooperation Agency (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Jeonbuk)	063-280-6100	<a href="https://www.jbcia.or.kr/">https://www.jbcia.or.kr/</a>
Gwangju International Center (Trung tâm Quốc tế Gwangju)	062-226-2732	<a href="https://www.gic.or.kr/">https://www.gic.or.kr/</a>
Busan Global City Foundation (Quỹ Thành phố Toàn cầu Busan)	051-711-6878	<a href="http://www.bfic.kr">http://www.bfic.kr</a>
Ulsan Support Center for Foreign Residents (Trung tâm Hỗ trợ Người nước ngoài Ulsan)	1577-2818	<a href="https://www.ulsan.go.kr/global/index">https://www.ulsan.go.kr/global/index</a>
Migrant Workers Welfare Society in Korea (Hiệp hội Phúc lợi Lao động Nhập cư tại Hàn Quốc)	02-858-4115	<a href="https://miwel.modoo.at/">https://miwel.modoo.at/</a>
Korea Support Center for Foreign Workers (Trung tâm Hỗ trợ Lao động Nước ngoài Hàn Quốc)	02-6900-8000	<a href="http://k.migrantok.org/">http://k.migrantok.org/</a>

※ Bạn có thể tìm kiếm các khóa học tiếng Hàn theo khu vực trên Cổng hỗ trợ gia đình đa văn hóa “Danuri” do Bộ Bình đẳng Giới và Gia đình cung cấp (có sẵn 13 ngôn ngữ – <https://www.liveinkorea.kr>).

### 3. Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK)

Chính phủ Hàn Quốc yêu cầu sinh viên quốc tế học tập tại Hàn Quốc phải có trình độ tiếng Hàn nhất định để nâng cao chất lượng trải nghiệm học tập của họ. Điều này là do sinh viên quốc tế thiếu trình độ tiếng Hàn cần thiết để học tập và phục vụ cuộc sống hàng ngày có thể gặp khó khăn khi học tập tại Hàn Quốc.

Để được nhận vào một trường đại học ở Hàn Quốc, cần phải nộp kết quả Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) do Viện Giáo dục Quốc tế tổ chức. TOPIK nhằm mục đích cung cấp định hướng học tiếng Hàn cho những người không phải là người bản xứ, đánh giá trình độ tiếng Hàn của họ và sử dụng kết quả để phục vụ mục đích du học, công việc và các mục đích khác.

Đối với những người muốn theo đuổi chương trình học thông thường tại đại học ở Hàn Quốc, thông thường phải đạt điểm TOPIK cấp 3 trở lên khi nhập học và cấp 4 trở lên để tốt nghiệp. Tuy nhiên, nếu khoa đại học bạn chọn cung cấp các khóa học bằng tiếng Anh thì không bắt buộc phải có điểm TOPIK. Thay vào đó, bạn có thể nhập học dựa trên bài kiểm tra trình độ tiếng Anh được công nhận như TOEFL và không cần thiết phải có điểm TOPIK từ cấp 4 trở lên để tốt nghiệp.

Hơn nữa, yêu cầu về trình độ tiếng Hàn để nhập học khác nhau đối với sinh viên trao đổi, học giả GKS, người nhận học bổng được chính phủ nước ngoài hỗ trợ, sinh viên vào Học viện đào tạo tiếng Hàn và những người học khoa giải trí và thể thao. Bạn nên hỏi về các yêu cầu cụ thể của từng trường đại học.

TOPIK được tổ chức 6 lần mỗi năm (tháng 1, tháng 4, tháng 5, tháng 7, tháng 10, tháng 11) và lịch thi chi tiết được công bố trên trang web TOPIK vào đầu năm. Điểm đánh giá cho kỳ thi được chia thành TOPIK I (Cấp 1-2) dành cho người mới bắt đầu và TOPIK II (Cấp 3-6) dành cho người học từ trung cấp đến nâng cao. Số điểm này được xác định dựa trên tổng số điểm đạt được trong kỳ thi. Thông tin chi tiết hơn về kỳ thi có sẵn trên trang web TOPIK.

The banner features a large blue brain graphic on the right side, composed of circuit-like lines. Various icons are connected to the brain, including a smartphone, a document with a pencil, a speech bubble, a magnifying glass, a person icon, and a Wi-Fi symbol. Below the brain, there is an illustration of a person sitting at a desk with a laptop, looking at the screen. The background is a dark blue with faint Korean text.

**신뢰할 수 있는 TOPIK**  
**한국어 능력시험은 TOPIK**

여러분의 한국어 사용능력 향상을 위해 최선을 다하겠습니다.

TOPIK Test of Proficiency in Korean

시험접수 성적확인

로그인 회원가입 한국어 통합검색 전체메뉴 원격지원

토픽(TOPIK) 안내 토픽 토픽 IBT 토픽 말하기 평가 토픽 마당 STUDY TOPIK

## IV. Chi phí du học

### 1. Học phí cho các chương trình học thuật

Để chuẩn bị cho một trải nghiệm du học thành công, sinh viên quốc tế có mong muốn học tập cần cân nhắc về chi phí du học khi lựa chọn trường đại học và chương trình học thuật. Các trường đại học quốc gia nhận được hỗ trợ tài chính từ chính phủ Hàn Quốc thường có học phí thấp hơn so với các trường đại học tư. Vì học phí thay đổi tùy theo trường đại học nên sinh viên quốc tế có mong muốn học tập phải kiểm tra trước học phí của trường đại học mong muốn.

Chương trình đào tạo	Chi phí (mỗi học kỳ, tính bằng KRW)
Bằng liên kết	₩3.000.000 đến ₩4.000.000
Bằng cử nhân	₩5.000.000 đến ₩7.000.000
Bằng thạc sĩ	₩6.000.000 đến ₩8.000.000
Bằng tiến sĩ	₩7.000.000 đến ₩9.000.000

※ Chi phí chính xác có thể được xác nhận trên trang web của từng trường đại học hoặc trang web Higher Education in Korea (<http://www.academyinfo.go.kr>).

### 2. Các chi phí khác

Để đảm bảo trải nghiệm du học thành công, sinh viên quốc tế có mong muốn học tập nên cân nhắc các chi phí bổ sung liên quan đến cuộc sống du học của mình, ngoài học phí. Chúng bao gồm phí cho các chương trình tiếng Hàn, sách giáo khoa, chỗ ở ký túc xá và chi phí sinh hoạt. Chi phí sinh hoạt trung bình hàng tháng của sinh viên quốc tế tại Hàn Quốc là khoảng 750.000 đến 1.000.000 KRW. Danh sách các chi phí cần xem xét bên cạnh học phí:

Loại	Chi phí ước tính (mỗi tháng, tính bằng KRW)
Nhà ở	₩500.000 đến ₩700.000 ※ Phí ký túc xá thay đổi tùy theo sức chứa và có bao gồm bữa ăn hay không.
Ăn uống	₩200.000 đến ₩300.000 ※ Chi phí một bữa ăn tại căng tin sinh viên đại học: ₩5.000 đến ₩15.000
Đi lại	₩50.000 đến ₩100.000
Chi phí khác	₩100.000 đến ₩200.000 ※ Chi phí liên lạc (ví dụ: điện thoại di động, phí sử dụng internet), bảo hiểm y tế, v.v.

### 3. Học bổng

#### Học bổng của riêng trường đại học . . . .

Nhiều trường đại học ở Hàn Quốc có nhiều chương trình học bổng khác nhau dành cho sinh viên quốc tế. Hầu hết các trường đại học đều cấp học bổng cho sinh viên quốc tế từ 30% đến 100%, tùy thuộc vào kết quả học tập. Thông tin chi tiết về học bổng riêng của từng trường đại học có sẵn trên trang web của mỗi trường đại học hoặc thông qua trang web Study in Korea (<http://www.studyinkorea.go.kr>).

## Học bổng Chính phủ Hàn Quốc

Nhiều cơ quan chính phủ khác nhau ở Hàn Quốc, bao gồm Bộ Giáo dục, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Ngoại giao, quản lý các chương trình học bổng cho sinh viên quốc tế; số lượng người nhận được học bổng ngày càng gia tăng.

### (1) Bộ Giáo dục: National Institute for International Education (Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia – <http://www.niied.go.kr>)

#### • Học bổng Hàn Quốc toàn cầu

Chương trình được hỗ trợ	Trường đại học	Trường cao học
Điều kiện	Các quốc gia có mối quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc trên toàn thế giới (số lượng quốc gia có thể thay đổi)	
Các ngành được hỗ trợ	Tất cả các ngành	
Chương trình và thời gian hỗ trợ	Đào tạo tiếng Hàn (1 năm), chương trình liên kết (2-3 năm), chương trình cử nhân (4-6 năm)	Đào tạo tiếng Hàn (1 năm), chương trình thạc sĩ (2 năm), chương trình tiến sĩ (3 năm)
Chi tiết hỗ trợ	Vé máy bay, học phí, chi phí sinh hoạt, bảo hiểm y tế, hỗ trợ chỗ ở, tiền quay trở về nước	
Số lượng người nhận học bổng	300 người trở lên	1.200 người trở lên
Thời gian nộp hồ sơ	Hàng năm vào tháng 9	Hàng năm vào tháng 2

#### • Chương trình không cấp bằng GKS dành cho sinh viên trao đổi nước ngoài

Điều kiện	Sinh viên nước ngoài (có thành tích học tập cao)
Các ngành được hỗ trợ	Tất cả các ngành
Chương trình và thời gian hỗ trợ	Chương trình cử nhân (4 hoặc 10 tháng) và chương trình thạc sĩ (4 tháng)
Chi tiết hỗ trợ	Trợ cấp khuyến khích học tập, tiền chỗ ở ban đầu, vé máy bay khứ hồi
Số lượng người nhận học bổng	-
Thông báo hướng dẫn tuyển sinh	Hỏi tại Văn phòng Trao đổi Quốc tế của mỗi trường đại học. ※ Dành cho sinh viên đại học (trước và sau học kỳ) và thạc sĩ (sau học kỳ).

### (2) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Korea National University of National Arts (Đại học Nghệ thuật Quốc gia Hàn Quốc – <http://www.karts.ac.kr>)

#### • Sinh viên nhận học bổng Art Major Asian Plus (AMA+) là những tài năng nghệ thuật xuất sắc ở nước ngoài

Điều kiện	Người nộp đơn và cả cha mẹ phải có quốc tịch từ một quốc gia nhận OECD DAC.
Các ngành được hỗ trợ	Nghệ thuật (Âm nhạc, Sân khấu, Điện ảnh, Múa, Mỹ thuật, Nghệ thuật truyền thống)
Chương trình và thời gian hỗ trợ	Đại học và Thạc sĩ
Chi tiết hỗ trợ	Vé máy bay, chi phí sinh hoạt, đào tạo tiếng Hàn, học phí, hỗ trợ chỗ ở, hỗ trợ tốt nghiệp, học bổng tiếng Hàn xuất sắc, bảo hiểm y tế
Số lượng người nhận học bổng	-
Thông báo hướng dẫn tuyển sinh	Tháng 2

**(3) Bộ Ngoại giao: Korea Foundation (Quỹ Hàn Quốc – <http://www.kf.or.kr>)****• Học bổng KF dành cho nghiên cứu sau tiến sĩ**

<b>Điều kiện và các ngành</b>	Các học giả trẻ ở nước ngoài có bằng tiến sĩ về khoa học xã hội/nhân văn, văn hóa/nghệ thuật, tập trung vào các chủ đề liên quan đến Hàn Quốc.
<b>Thời gian hỗ trợ</b>	Một năm (bắt đầu vào học kỳ mùa xuân hoặc mùa thu sau khi lựa chọn)
<b>Chi tiết hỗ trợ</b>	Chi phí nghiên cứu cho học bổng nghiên cứu sau tiến sĩ ※ Số tiền hỗ trợ sẽ được quyết định sau khi cân nhắc kỹ lưỡng số tiền nộp hồ sơ và hoàn cảnh tại địa phương.
<b>Số lượng người nhận học bổng</b>	-
<b>Thông báo hướng dẫn tuyển sinh</b>	Tiêu chuẩn tuyển sinh có thể khác nhau tùy theo khu vực.

**• Học bổng KF dành cho nghiên cứu sau đại học**

<b>Điều kiện và các ngành</b>	Sinh viên là thạc sĩ/tiến sĩ ở nước ngoài thực hiện nghiên cứu về các chủ đề liên quan đến Hàn Quốc trong các lĩnh vực khoa học xã hội/nhân văn, văn hóa/nghệ thuật.
<b>Thời gian hỗ trợ</b>	Một năm (bắt đầu vào học kỳ mùa xuân hoặc mùa thu sau khi lựa chọn)
<b>Chi tiết hỗ trợ</b>	Học bổng hỗ trợ nghiên cứu liên quan đến Hàn Quốc ※ Số tiền học bổng thay đổi tùy theo quốc gia.
<b>Số lượng người nhận học bổng</b>	-
<b>Thông báo hướng dẫn tuyển sinh</b>	Tiêu chuẩn tuyển sinh có thể khác nhau tùy theo khu vực.

**• Học bổng đào tạo tiếng Hàn KF (KLT)**

<b>Điều kiện và các ngành</b>	Người học chuyên ngành Hàn Quốc về nhân văn/khoa học xã hội hoặc văn hóa/nghệ thuật và có hiểu biết cơ bản và thành thạo tiếng Hàn (nghiên cứu sinh thạc sĩ/tiến sĩ hoặc sinh viên đại học đáp ứng đủ điều kiện nộp hồ sơ).
<b>Thời gian hỗ trợ</b>	6 tháng
<b>Chi tiết hỗ trợ</b>	Học phí và lệ phí, chi phí sinh hoạt, hỗ trợ khi đến nơi, bảo hiểm y tế * (không bao gồm vé máy bay)
<b>Số lượng người nhận học bổng</b>	Khoảng 40 người mỗi năm
<b>Thông báo hướng dẫn tuyển sinh</b>	Tháng 7

**• Học bổng KF dành cho nghiên cứu thực địa**

<b>Điều kiện và các ngành</b>	Các nhà nghiên cứu có liên quan đến Hàn Quốc trong các lĩnh vực nhân văn, khoa học xã hội, văn hóa và nghệ thuật đang làm việc ở nước ngoài hoặc người nộp đơn đăng ký các đề tài nghiên cứu được công nhận có quan hệ hợp tác nghiên cứu chặt chẽ và quan trọng với Hàn Quốc thuộc nhóm A hoặc B: - Nhóm A: Các nghiên cứu sinh tiến sĩ đang chuẩn bị luận án sau khi hoàn thành khóa học. - Nhóm B: Giáo sư đại học (giảng viên chính thức trở lên), nghiên cứu sinh/nhân viên chuyên môn có trình độ tiến sĩ
<b>Chi tiết hỗ trợ</b>	- Nhóm A: 2,3 triệu KRW mỗi tháng - Nhóm B: 3 triệu KRW mỗi tháng Bảo hiểm du lịch, hỗ trợ khi đến nơi (một lần/thay đổi tùy theo chương trình), vé máy bay khứ hồi (khoảng cách ngắn nhất, hạng phổ thông) *Chi tiết hỗ trợ cụ thể theo quốc gia có sẵn trên trang web.
<b>Số lượng người nhận học bổng</b>	Khoảng 30 người mỗi năm
<b>Thông báo hướng dẫn tuyển sinh</b>	Tháng 7

## Học bổng khác

Tên tổ chức	Tên học bổng	Trang web
Gasam Cutral Foundation (Quỹ Văn hóa Gasan)	Gasam Global Scholarship (Học bổng Toàn cầu Gasan)	<a href="http://www.gasanfund.org">http://www.gasanfund.org</a>
Daewoong Foundation (Quỹ Daewoong)	Học bổng toàn cầu	<a href="http://daewoongfoundation.or.kr">http://daewoongfoundation.or.kr</a>
Rotary Club	Học bổng dành cho sinh viên quốc tế	<a href="http://www.rotarykorea.org">http://www.rotarykorea.org</a>
Samsung Dream Scholarship Foundation (Quỹ Học bổng Giấc mơ Samsung)	Global Hope Scholarship (Học bổng Hy vọng Toàn cầu)	<a href="http://www.sdream.or.kr">http://www.sdream.or.kr</a>
Pencil Scholarship Foundation (Quỹ Học bổng Pencil)	Pencil Scholarship Foundation Student (Sinh viên Quỹ Học bổng Pencil)	<a href="http://www.pensaf.or.kr">http://www.pensaf.or.kr</a>
Woo Jung Education & Culture Foundation (Quỹ Giáo dục & Văn hóa Woo Jung)	Chương trình học bổng	<a href="http://www.woojungedu.co.kr/edu">http://www.woojungedu.co.kr/edu</a>
Lee&Won Foundation (Quỹ Lee&Won)	Asian Fellowship (Học bổng châu Á)	<a href="http://www.leewonfoundation.org">http://www.leewonfoundation.org</a>
POSCO TJ Park Foundation (Quỹ POSCO TJ Park)	POSCO Asia Fellowship (Học bổng POSCO Châu Á)	<a href="https://www.postf.org">https://www.postf.org</a>
Hansae Yes24 Foundation (Quỹ Hansae Yes24)	Học bổng sinh viên nước ngoài	<a href="http://www.hansaeyes24foundation.com">http://www.hansaeyes24foundation.com</a>
Hyundai Motor Chung Mong-Koo Foundation (Quỹ Hyundai Motor Chung Mong-Koo)	Hyundai Motor Chung Mong-Koo Scholarship (Học bổng Hyundai Motor Chung Mong-Koo)	<a href="http://www.hyundai-cmkfoundation.org">http://www.hyundai-cmkfoundation.org</a>

## 4. . Việc làm bán thời gian

### (1) Việc làm bán thời gian cho sinh viên quốc tế (Việc làm bán thời gian)

**Nguyên tắc cơ bản:** Thường giới hạn ở các hoạt động việc làm bán thời gian do sinh viên thực hiện (lao động đơn giản, v.v.).

※ Nếu tham gia vào các hoạt động việc làm theo Nghị định thực thi Đạo luật nhập cư [đính kèm Bảng 1-2], các hướng dẫn riêng cho từng điều kiện sẽ được áp dụng (ví dụ: Sinh viên nhận học bổng tình nguyện tiếng Anh của Tổng thống, Giảng viên đàm thoại, Biên dịch/Phiên dịch chuyên nghiệp, v.v.).

※ Các hoạt động dạy thêm bị hạn chế nghiêm ngặt, có tính đến tính đặc thù của hoạt động, chẳng hạn như địa điểm và mục tiêu.

### Thủ tục cấp phép



**Chuẩn bị hợp đồng lao động**  
hợp đồng lao động giữa các bên tham gia (Hợp đồng lao động tiêu chuẩn, ghi rõ mức lương theo giờ).



**Chuẩn bị xác nhận việc làm bán thời gian**  
định dạng đính kèm, được hoàn thành bởi nhân viên phụ trách sinh viên quốc tế của trường đại học



**Đơn đăng ký**  
Hồ sơ đính kèm, nộp hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp



**Phê duyệt/Không phê duyệt**  
Đính kèm nhãn Giấy phép hoặc in Giấy phép trực tuyến.



## (2) Điều kiện

Trong số những người sau đây, các cá nhân đã được nhân viên phụ trách sinh viên quốc tế của trường xác nhận và có trình độ tiếng Hàn nhất định:

- Những người có tư cách lưu trú cụ thể (D-2-1 đến D-2-4, D-2-6 và D-2-7) trong số các Sinh viên có tư cách lưu trú.
- Đối với tình trạng Đào tạo ngôn ngữ (D-4-1, D-4-7) và Nghiên cứu ngắn hạn (D-2-8), các cá nhân đã trải qua sáu tháng kể từ ngày thay đổi tình trạng (đối với người có thị thực, ngày nhập cảnh).

Các cá nhân không đáp ứng yêu cầu tốt nghiệp do không đủ tín chỉ sau khi hoàn thành chương trình du học (2 năm đối với chương trình liên kết, 4 năm đối với chương trình cử nhân) và đã được cấp phép ở lại đặc biệt sẽ không đủ điều kiện.

- Tuy nhiên, các cá nhân đang trong giai đoạn chuẩn bị luận án sau khi hoàn thành chương trình thông thường, trong số những người đã hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ, cũng có thể đủ điều kiện. Tuy nhiên, trong trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc chậm tốt nghiệp do kết quả học tập không đạt yêu cầu như không đủ tín chỉ hoặc đi học ít, họ sẽ bị loại trừ.
- ☞ Thời gian nêu trên được giới hạn ở mức 30 giờ mỗi tuần, không bao gồm các quy định về thời gian không giới hạn vào các ngày lễ, ngày lễ và thời gian nghỉ phép.

## (3) Giới hạn cho phép

Thời gian được phép cho mỗi chương trình học thuật và năng lực tiếng Hàn (Có hiệu lực từ tháng 7 năm 2023)

Chương trình	Năm học	Tiêu chí năng lực tiếng Hàn ① TOPIK, ② Chương trình Hòa nhập Xã hội, ③ Trường Sejong	Ngày bắt đầu	Thời gian được phép		Thành tích xuất sắc tại các trường đại học được chứng nhận, trình độ tiếng Hàn xuất sắc (các ngày trong tuần)
				Các ngày trong tuần	Cuối tuần và kỳ nghỉ	
Đào tạo ngôn ngữ	-	① Cấp 2	X	Được phép sau 6 tháng	10 giờ	10 giờ
		② Hoàn thành Cấp độ 2 trở lên hoặc Điểm đánh giá sơ bộ từ 41 điểm trở lên	—			
		③ Hoàn thành trình độ Trung cấp 1 trở lên	O		20 giờ	25 giờ
Bảng liên kết	-	① Cấp 3	X	Được phép ngay lập tức	10 giờ	10 giờ
		② Hoàn thành Cấp độ 3 trở lên hoặc Điểm đánh giá sơ bộ từ 61 điểm trở lên	O		25 giờ	Không giới hạn
Bảng cử nhân	Năm thứ 1 đến năm thứ 2	③ Hoàn thành trình độ Trung cấp 1 trở lên	X	Được phép ngay lập tức	10 giờ	10 giờ
	Năm thứ 3 đến năm thứ 4	① Cấp 4	X	Được phép ngay lập tức	10 giờ	10 giờ
Bảng Thạc sĩ/Tiến sĩ	-	② Hoàn thành Cấp độ 4 trở lên hoặc Điểm đánh giá sơ bộ từ 81 điểm trở lên	O	Được phép ngay lập tức	25 giờ	Không giới hạn
		③ Hoàn thành trình độ Trung cấp 2 trở lên	X	Được phép ngay lập tức	15 giờ	15 giờ
			O	Được phép ngay lập tức	30 giờ	Không giới hạn

※ Chương trình theo dõi tiếng Anh: Bất kể năm học nào, người nộp đơn có điểm TOEFL 530 điểm (CBT 197, iBT 71), IELTS 5.5, CEFR B2, điểm TEPS từ 601 điểm (NEW TEPS 327) trở lên đều đủ điều kiện. Người nộp đơn từ các quốc gia nói tiếng Anh được miễn nộp chứng chỉ năng lực tiếng Anh.

**(4) Hồ sơ đăng ký**

- Hộ chiếu, thẻ đăng ký người nước ngoài, đơn đăng ký
- Xác minh việc làm bán thời gian cho sinh viên quốc tế, bảng điểm học tập hoặc giấy chứng nhận tham dự (có thể được miễn nộp nếu được xác nhận qua FIMS), giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Hàn (đối với cá nhân áp dụng)
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hợp đồng lao động tiêu chuẩn
- Xác nhận tuân thủ các yêu cầu về việc làm bán thời gian đối với sinh viên quốc tế (đối với cá nhân áp dụng)

**(5) Miễn trừ đặc biệt đối với giấy phép làm việc bán thời gian (Không bao gồm yêu cầu về giấy phép)**

- Trong phạm vi không vi phạm các khía cạnh thiết yếu của tư cách du học, các hoạt động liên quan đến trợ cấp tạm thời, khen thưởng và các khoản thù lao khác liên quan đến cuộc sống hàng ngày được miễn yêu cầu giấy phép riêng.

**(6) Tiêu chuẩn xử lý vi phạm đối với người làm việc không có giấy phép**

- Trong lĩnh vực xây dựng, bất kể số lần vi phạm, cá nhân bị bắt lần đầu sẽ bị trục xuất ngay lập tức không có ngoại lệ và bị tạm hoãn nhập cảnh.

**Thị thực du học được Chính phủ Hàn Quốc mời (D-2-7)**

Sinh viên tốt nghiệp với tư cách “Sinh viên được Chính phủ Hàn Quốc mời (D-2-7)” trong số các Học giả GKS được miễn đăng ký tỷ lệ việc làm quốc gia và hạn chế quy mô công ty đối với các vị trí chuyên môn/bán chuyên môn/kỹ thuật tổng hợp khi chuyển sang trạng thái Hoạt động được chỉ định (E7). Họ được phép xin việc rộng rãi vào các ngành nghề tương tự.

※ Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo Hi Korea (<https://www.hikorea.go.kr>) hoặc trang web Cổng thông tin thị thực Hàn Quốc (<https://www.visa.go.kr>).



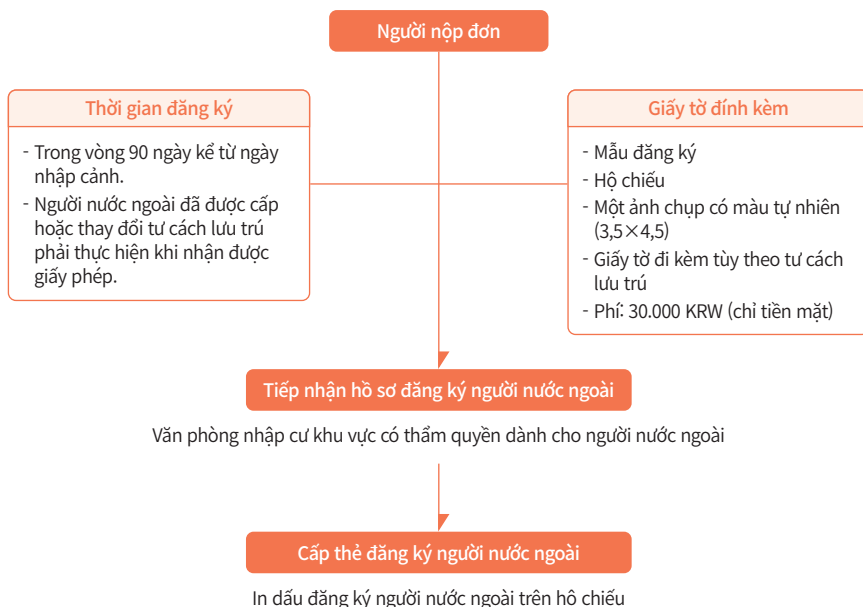
## V. Kiểm soát nhập cư

### 1. Giấy đăng ký người nước ngoài

#### (1) Phụ thuộc vào Giấy đăng ký người nước ngoài

- Người nước ngoài có ý định lưu trú tại Hàn Quốc trên 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.
- Người nước ngoài mất quốc tịch Hàn Quốc và có quốc tịch nước ngoài hoặc người nước ngoài sinh ra tại Hàn Quốc đã được cấp tư cách lưu trú và có ý định lưu trú trên 90 ngày kể từ ngày đó
- Miễn đăng ký người nước ngoài: Những người nước ngoài sau đây được miễn đăng ký người nước ngoài:
  - Ngoại giao, công vụ, hiệp định (A-1, A-2, A-3).
  - Người nước ngoài làm công việc quan trọng liên quan đến ngoại giao, công nghiệp, quốc phòng cùng với gia đình của họ và những người nước ngoài khác được Bộ trưởng Tư pháp công nhận thuộc diện miễn trừ đặc biệt khi đăng ký người nước ngoài.
  - Công dân Canada có ý định nhập cảnh Hàn Quốc không cần thị thực và lưu trú dưới 6 tháng.

#### Sơ đồ đăng ký người nước ngoài



## (2) Thời gian đăng ký người nước ngoài

- Người nước ngoài có ý định lưu trú tại Hàn Quốc trên 90 ngày → Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.
- Người nước ngoài đã được cấp hoặc thay đổi tư cách lưu trú → (Ngay lập tức) khi nhận được giấy phép

**ví dụ**

Công dân Canada có thị thực B-2 (Du lịch/Quá cảnh) nộp đơn xin thay đổi tư cách lưu trú sau thời gian lưu trú 5 tháng phải đăng ký làm người nước ngoài ngay khi nộp đơn xin phép thay đổi tư cách lưu trú.

## (3) Các giấy tờ cần nộp

- Đơn đăng ký, hộ chiếu, 1 ảnh (ảnh 3×4 chụp trong vòng 6 tháng gần nhất), giấy chứng nhận nhập học (hoặc nghiên cứu sinh) cấp sau ngày nhập học, lệ phí.
- Giấy chứng nhận sàng lọc bệnh lao (đối với cá nhân áp dụng)
  - Chỉ áp dụng đối với những người đã được cấp thị thực trước ngày 01/07/2016 và được miễn nộp giấy khám sàng lọc bệnh lao cho cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài theo quy định hoãn áp dụng hướng dẫn du học hiện hành.
- Giấy tờ chứng minh cư trú tại Hàn Quốc

## 2. Báo cáo thay đổi thông tin đăng ký người nước ngoài

### (1) Những thay đổi có thể báo cáo: Khi bất kỳ mục nào sau đây có thay đổi:

- Tên, giới tính, ngày sinh và quốc tịch
- Số hộ chiếu, ngày cấp và ngày hết hạn
- Thay đổi trường học (bao gồm cả thay đổi tên)

### (2) Thời hạn báo cáo: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thay đổi

### (3) Địa điểm báo cáo: Cơ quan có thẩm quyền (văn phòng/chi nhánh) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến

### (4) Các giấy tờ cần nộp

- Đơn đăng ký, hộ chiếu, thẻ đăng ký người nước ngoài
- **(Trong trường hợp thay đổi thông tin cá nhân như tên)** Giấy tờ chứng minh đó là thay đổi thật (đối với cá nhân áp dụng)
- **(Trong trường hợp thay đổi trường học)** Giấy xác nhận nhập học của trường mới chuyển sang và giấy chứng nhận thôi học của trường cũ (đối với cá nhân liên quan), các giấy tờ chứng minh sự cần thiết hoặc tất yếu của việc chuyển trường (đối với cá nhân áp dụng)
- **(Trong trường hợp thay đổi tên trường)** Các giấy tờ xác nhận việc thay đổi tên trường như giấy chứng nhận số nhận dạng duy nhất (đối với cá nhân áp dụng)

### 3. Thủ tục xin cấp và lấy thị thực

Sinh viên quốc tế có mong muốn học tập sau khi nhận được thư nhập học cần chuẩn bị các giấy tờ cần thiết để nhập cảnh vào Hàn Quốc và xin thị thực Sinh viên thông qua đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Hàn Quốc ở nước sở tại. Loại thị thực bắt buộc khác nhau tùy thuộc vào chương trình học tại trường đại học Hàn Quốc, chẳng hạn như chương trình học thuật thông thường, chương trình ngôn ngữ hoặc đào tạo văn hóa Hàn Quốc. Sinh viên quốc tế đăng ký các chương trình cấp bằng chính quy phải xin thị thực D-2, trong khi sinh viên đăng ký các chương trình phi học thuật (đào tạo tiếng Hàn, đào tạo ngoại ngữ) phải xin thị thực D-4. Để đẩy nhanh quá trình cấp thị thực, chính phủ Hàn Quốc thường yêu cầu tất cả người nộp đơn nước ngoài trước tiên phải có “Giấy chứng nhận cấp thị thực” trước khi nộp đơn xin thị thực, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt.

#### Visa sinh viên (D-2) ————— . . . .

##### > Phạm vi hoạt động và điều kiện

(Cơ sở giáo dục) Là một cơ sở giáo dục (cao đẳng cơ sở trở lên) hoặc cơ sở nghiên cứu học thuật được thành lập theo Đạo luật giáo dục đại học và luật đặc biệt, một trường đại học hoặc cơ sở ngôn ngữ trực thuộc đáp ứng các yêu cầu do Bộ trưởng Tư pháp đặt ra.

- (Loại trừ) Những trường hợp sau đây bị loại trừ khỏi các cơ sở giáo dục đủ điều kiện đối với tư cách lưu trú Sinh viên:

- i) Cao đẳng hàng không, cao đẳng từ xa, đại học mở và đại học trực tuyến (đại học từ xa) theo Điều 2, Khoản 5 của “Đạo luật giáo dục đại học”
- ii) Cơ sở giáo dục trọn đời theo Điều 2, Khoản 2 của “Đạo luật giáo dục đại học”
- iii) Chương trình đào tạo nghề của các trường cao đẳng kỹ thuật theo Điều 2, Đoạn 5 của “Đạo luật phát triển kỹ năng nghề trong đời quốc gia”
- iv) Trường đại học và cao học ban đêm, ngoại trừ một số chương trình học ban đêm cho phép tư cách lưu trú Sinh viên\*.

\* Chương trình học thuật là khóa học ban đêm dành cho chuyên ngành chuyên sâu ở các trường cao học và cao đẳng cơ sở ban đêm không có chương trình ban ngày và đã được đánh giá trước bởi văn phòng nhập cư có thẩm quyền đối với các chương trình học tập ban đêm.

(Sinh viên quốc tế) Người nước ngoài có ý định học các chương trình thông thường hoặc thực hiện nghiên cứu cụ thể tại các cơ sở giáo dục nêu trên theo tư cách Sinh viên (D-2) và Đào tạo ngôn ngữ (D-4-1, D-4-7).

##### > Thời gian lưu trú tối đa cho mỗi lần cấp phép: 2 năm

##### > Địa điểm nộp hồ sơ

Cấp thị thực (cơ quan ngoại giao ở nước ngoài): Chủ yếu nộp đơn tại cơ quan đại diện ngoại giao thuộc thẩm quyền của quốc gia cư trú hoặc địa điểm học cuối cùng của người nộp đơn.

##### > Các giấy tờ cần nộp

※ Ghi chú: Nếu nộp hồ sơ bằng tiếng nước ngoài cấp ở nước ngoài tại Hàn Quốc thì phải được cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài (hoặc thuộc hệ thống apostille) dịch và chứng thực trước khi nộp.

#### Giấy tờ chung

- ① Đơn xin cấp (công nhận) thị thực, bản sao hộ chiếu, một ảnh (ảnh 3×4 chụp trong vòng 6 tháng gần nhất)

- ② Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở giáo dục (hoặc giấy chứng nhận số nhận dạng duy nhất)
- ③ Thư nhập học tiêu chuẩn (do hiệu trưởng hoặc trưởng khoa trường đại học cấp)
- ☞ Tuy nhiên, đối với sinh viên được National Institute for International Education (Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia) và sinh viên được Chính phủ mời bởi Bộ Quốc phòng thì có thể thay thế bằng thư mời của người đứng đầu Viện hoặc Bộ trưởng Quốc phòng.
- ④ Giấy chứng nhận chẩn đoán bệnh lao (đối với cá nhân áp dụng)
- ⑤ Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình (chỉ khi nộp báo cáo tài chính của cha mẹ)
- ⑥ Giấy tờ chứng minh trình độ học vấn cao nhất
  - **Các giấy tờ chứng minh trình độ học vấn cao nhất chủ yếu phải nộp bản gốc.** Tuy nhiên, **báo cáo xác minh bằng cấp** chỉ được chấp nhận dưới dạng bản sao nếu có đóng dấu của nhân viên trường đại học đảm bảo rằng chúng giống với bản gốc. Ngoài ra, các giấy tờ chứng minh trình độ học vấn do cá nhân trực tiếp xin và cấp chỉ được chấp nhận trong thời hạn hiệu lực.
  - **Các nước chung**
    - Gửi giấy chứng nhận trình độ học vấn theo quy định trong bảng dưới đây, được xác nhận bởi ① hệ thống xác minh Apostille hoặc ② xác minh từ lãnh sự quán (tại cơ quan đại diện ngoại giao ở Hàn Quốc hoặc lãnh sự quán Hàn Quốc ở quốc gia nơi trường bạn tọa lạc)

Loại		Các giấy tờ cần nộp
Chương trình Thực tập sinh tiếng Hàn (D-4-1)		Bảng tốt nghiệp THPT trở lên
Tuyển sinh năm nhất (D-2-1 đến D-2-4)	Bảng liên kết	Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT
	Bảng cử nhân	
	Bảng thạc sĩ	Giấy chứng nhận tốt nghiệp cử nhân
	Bảng tiến sĩ	Giấy chứng nhận tốt nghiệp thạc sĩ
Tuyển sinh chuyển tiếp (D-2-1 đến D-2-4)	Bảng liên kết	Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT + giấy chứng nhận nhập học (tốt nghiệp) cử nhân (liên kết)
	Bảng cử nhân	① Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT + giấy chứng nhận nhập học cử nhân hoặc ② Giấy chứng nhận tốt nghiệp Cử nhân (Liên kết)
	Bảng thạc sĩ	Giấy chứng nhận tốt nghiệp cử nhân + giấy chứng nhận nhập học (tốt nghiệp) thạc sĩ
	Bảng tiến sĩ	Giấy chứng nhận tốt nghiệp thạc sĩ + giấy chứng nhận nhập học (tốt nghiệp) tiến sĩ
Chương trình đào tạo	Bảng liên kết	Giấy chứng nhận nhập học chương trình liên kết ở nước ngoài
	Bảng cử nhân	Giấy chứng nhận nhập học cử nhân (liên kết) ở nước ngoài
	Bảng thạc sĩ	Giấy chứng nhận nhập học thạc sĩ ở nước ngoài
	Bảng tiến sĩ	Giấy chứng nhận nhập học tiến sĩ ở nước ngoài
Nghiên cứu ngắn hạn (D-2-8)	Bảng liên kết	Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT + giấy chứng nhận nhập học chương trình liên kết ở nước ngoài
	Bảng cử nhân	Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT + giấy chứng nhận nhập học cử nhân (liên kết) ở nước ngoài
	Bảng thạc sĩ	Giấy chứng nhận nhập học thạc sĩ ở nước ngoài
	Bảng tiến sĩ	Giấy chứng nhận nhập học tiến sĩ ở nước ngoài
Nghiên cứu sinh (D-2-5)	-	Giấy chứng nhận thạc sĩ trở lên

## ⑦ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính

- Số tiền tương đương với học phí và chi phí sinh hoạt trong một năm
- Đối với Việt Nam, có giấy xác nhận cân đối chi phí du học riêng do ngân hàng cấp theo phương thức ký quỹ dự phòng.

## Các giấy tờ bổ sung cần nộp cho mỗi chương trình

<b>Nghiên cứu sinh (D-2-5)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh trình độ học vấn cao nhất (chủ yếu đối với người có bằng thạc sĩ trở lên)</li> <li>※ Mặc dù người nộp đơn về cơ bản phải có bằng thạc sĩ trở lên, nhưng đối với các trường đại học được chỉ định là Viện nghiên cứu cụ thể theo Điều 3 của Nghị định thực thi Đạo luật hỗ trợ viện nghiên cứu cụ thể, việc công nhận là Nghiên cứu sinh (D-2-5) được cho phép ngay cả khi người nộp đơn ghi danh vào chương trình đại học của nước sở tại.</li> <li>- Giấy chứng minh danh tính hoặc giấy tờ chứng minh năng lực tài chính (giấy chứng nhận số dư, xác nhận đã thanh toán chi phí nghiên cứu, v.v.)</li> <li>- Giấy tờ chứng minh đã ghi danh một chương trình nghiên cứu cụ thể (thư xác nhận của hiệu trưởng trường đại học đối với sinh viên nghiên cứu, v.v.)</li> </ul>
<b>Sinh viên trao đổi (D-2-6)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thư giới thiệu do hiệu trưởng trường đại học (ở nước sở tại) cấp</li> <li>- Giấy tờ chứng minh tư cách sinh viên trao đổi (thư chính thức của trường mời trao đổi, thỏa thuận trao đổi sinh viên giữa các trường đại học, v.v.)</li> <li>- Giấy tờ chứng minh bạn đã <b>nhập học nhiều hơn một học kỳ tại một trường đại học chính quy ở nước ngoài</b> (giấy chứng nhận nhập học của trường đại học ở nước sở tại, v.v.)</li> </ul>

※ Nếu cần để đánh giá mục đích nhập cảnh, tính xác thực của lời mời cũng như tư cách của người mời và người được mời, người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài có thể miễn trừ một phần hoặc bổ sung các giấy tờ cần thiết.

## Thực tập sinh phổ thông (D-4) ————— . . . .

## ➤ Phạm vi hoạt động và điều kiện

Hoạt động được giáo dục/đào tạo hoặc tiến hành nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, tổ chức, v.v., không phải là cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu học thuật đủ điều kiện là Sinh viên (D-2)

- Cá nhân đang được đào tạo tiếng Hàn tại các cơ sở ngoại ngữ trực thuộc trường đại học
- Cá nhân được đào tạo tại các cơ sở giáo dục không phải là cơ sở hoặc cơ sở nghiên cứu học thuật đủ điều kiện dành cho Sinh viên (D-2)
- Cá nhân được đào tạo về kỹ thuật hoặc chức năng tại các cơ sở nghiên cứu hoặc trung tâm đào tạo công lập hoặc quốc gia.
- Cá nhân được giáo dục/đào tạo hoặc tiến hành nghiên cứu với tư cách là thực tập sinh (nhân viên thực tập) tại các công ty có vốn đầu tư nước ngoài hoặc công ty đầu tư ra nước ngoài.

## ➤ Thời gian lưu trú tối đa cho mỗi lần cấp phép: 2 năm

## ➤ Địa điểm nộp hồ sơ

Chủ yếu nộp hồ sơ tại cơ quan đại diện ngoại giao Hàn Quốc trong thẩm quyền của quốc gia cư trú hoặc địa điểm trường học cuối cùng của người nộp đơn.

## ➤ Các giấy tờ cần nộp

※ Cuốn sách này chỉ giới thiệu về Đào tạo ngôn ngữ (Thực tập sinh tiếng Hàn: D-4-1).

- ① Đơn xin cấp thị thực (mẫu đính kèm số 17), hộ chiếu, một ảnh chụp cỡ chuẩn, lệ phí
- ② Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở giáo dục (hoặc giấy chứng nhận số nhận dạng duy nhất)

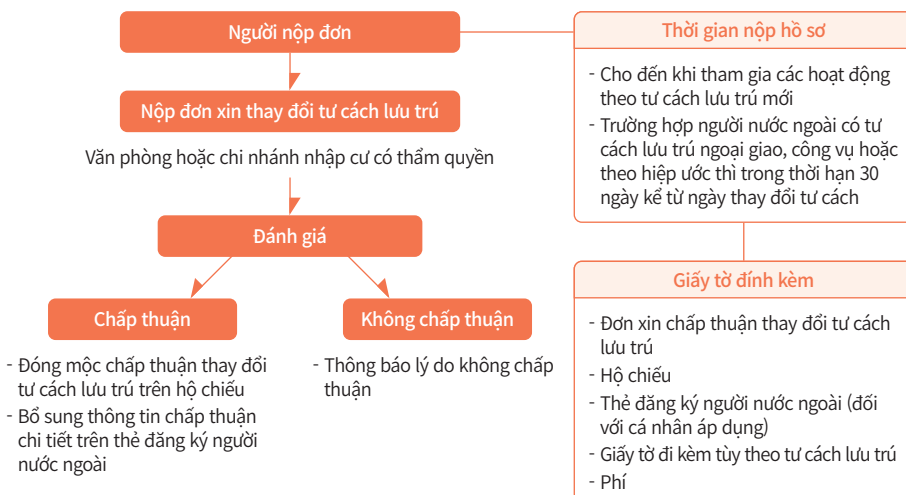
- ③ Thư nhập học tiêu chuẩn (do hiệu trưởng hoặc trưởng khoa trường đại học cấp)
- ④ Giấy chứng nhận nhập học hoặc **giấy tờ chứng minh trình độ học vấn cao nhất**
- Về cơ bản, hồ sơ bản gốc phải được nộp và nếu cần thiết, có thể đính kèm bản sao có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo bản sao giống với bản gốc.
- ⑤ **Giấy tờ chứng minh tài chính\*** (tương đương 10 triệu KRW)
- \* Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính (ví dụ: giấy chứng nhận số dư, sổ ngân hàng, giấy chứng nhận học bổng, hồ sơ giao dịch, v.v.) Về cơ bản phải **nộp bản gốc** và nếu cần, có thể đính kèm bản sao có đóng dấu của cơ quan chính thống để đảm bảo bản sao giống với bản gốc (**chứng nhận số dư** chỉ được công nhận là có giá trị nếu được cấp trong vòng 30 ngày).
- ※ Nếu nộp giấy chứng nhận số dư của cha mẹ thì phải nộp thêm giấy chứng nhận quan hệ gia đình.
- ▶ Về cơ bản cần phải có bằng chứng về khả năng tài chính (học phí + chi phí sinh hoạt) trong 1 năm (6 tháng đào tạo ngôn ngữ).
- ⑥ Kế hoạch đào tạo (bao gồm lịch giảng dạy, bố trí giảng viên, cơ sở vật chất đào tạo, v.v.)
- ※ Nếu cần để đánh giá mục đích nhập cảnh, tính xác thực của lời mời cũng như tư cách của người mời và người được mời, người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài có thể miễn trừ một phần hoặc bổ sung các giấy tờ cần thiết.
  - ※ Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo Hi Korea (<https://www.hikorea.go.kr>) hoặc trang web Cổng thông tin thị thực Hàn Quốc (<https://www.visa.go.kr>).
  - ※ Điện thoại liên hệ: (Trong nước) Quay số 1345 không có mã vùng, (Quốc tế) +82-1345 / +82-2-6908-1345
  - ※ Nguồn: Trụ sở Chính sách Nhập cư và Người nước ngoài

## Thay đổi tư cách lưu trú

### Thay đổi tư cách lưu trú là gì?

Điều này đề cập đến tình huống người nước ngoài hiện đang ở Hàn Quốc muốn ngừng các hoạt động theo tư cách lưu trú hiện tại của họ và tham gia vào các hoạt động thuộc tư cách lưu trú khác.

### Sơ đồ phê duyệt thay đổi tư cách lưu trú



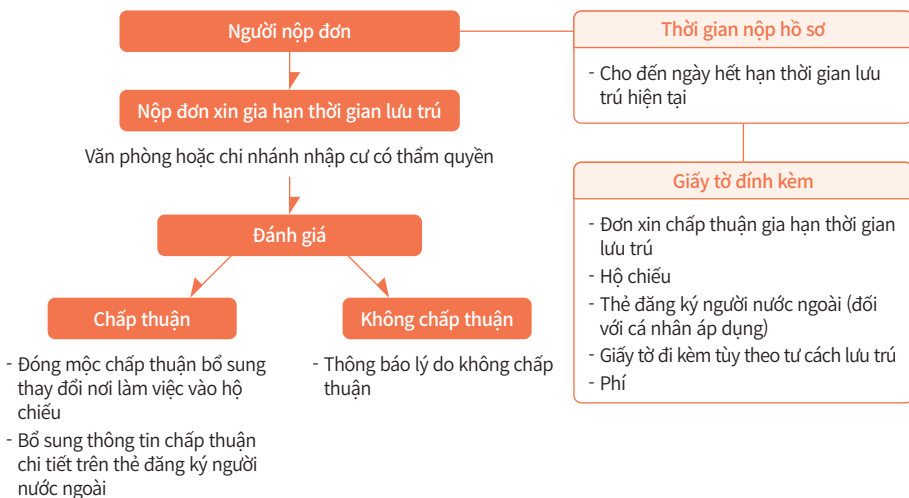


## Gia hạn thời gian lưu trú

### Gia hạn thời gian lưu trú là gì?

Người nước ngoài muốn tiếp tục lưu trú tại Hàn Quốc sau thời gian được phê duyệt ban đầu phải được chấp thuận gia hạn thời gian lưu trú.

### Sơ đồ phê duyệt gia hạn thời gian lưu trú



※ Điều cần thiết là phải kiểm tra các giấy tờ cụ thể cần phải nộp cho từng tư cách lưu trú. Các giấy tờ có thể khác nhau tùy thuộc vào người nộp đơn.

※ Nguồn nội dung: Hi Korea (<https://www.hikorea.go.kr>)





# Bước đầu tiên cho hành trình du học Hàn Quốc

---

**Xuất bản bởi:** Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia

**Sửa bởi:** Nhóm hỗ trợ du học Hàn Quốc

**Tháng xuất bản:** Tháng 12/2023